

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN Ô MÔN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2022/DSST

Ngày: 13/6/2022

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN Ô MÔN –TP CẦN THƠ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phương Văn Chính**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trần Thanh Nam**.
2. Bà **Phạm Thị Bích Vân**.

Thư ký phiên tòa: Bà **Phan Thị Như Ngọc**.

Trong ngày 13 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ô Môn tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 12/2022/TLST-DS, ngày 21 tháng 01 năm 2022 về việc *“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2022/QĐXXST-DS, ngày 05/5/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 78/2022/QĐST-DS ngày 24/5/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Xuân C**, sinh năm 1962; bà **Phạm Thị M**, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Số 71 đường 12, khu vực 4, khu TN, phường AK, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Đại diện ủy quyền của nguyên đơn ông **Nguyễn Châu Chí Cg**, sinh năm 1982 (có mặt).

Địa chỉ: khu vực 13, phường Châu Văn Liêm, quận Ô Môn, Tp. Cần Thơ.

Bị đơn: Ông **Trần Hữu P**, sinh năm 1964 (vắng mặt); bà **Dương Thị Ngọc T**, sinh năm 1963 (vắng mặt).

Địa chỉ: 767/7 khu vực HT, phường TH, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đại diện ủy quyền của nguyên đơn ông Cg trình bày: Vào ngày 12/4/2009 vợ chồng ông P đến gặp vợ chồng ông C đề nghị vay số tiền 200.000.000đ (*Bằng chữ:*

Hai trăm triệu đồng) và thế chấp căn nhà 01 trệt 01 lầu tại số 767/7, khu HT, phường TH, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00002 do Ủy ban nhân dân Quận Ô Môn cấp ngày 05/9/2002 đứng tên hộ ông Trần Hữu P. Cụ thể:

+ Có ký kết Hợp đồng vay tiền – thế chấp nhà đất ở và được xác nhận của Trưởng khu vực HT là ông Phạm Văn Nuôi;

+ Vợ chồng ông P đã giao bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00002 do Ủy ban nhân dân Quận Ô Môn cấp ngày 05/9/2002 cho vợ chồng ông C để thế chấp cho việc vay tài sản;

Theo nội dung Hợp đồng thì vợ chồng ông P vay mượn tài sản của vợ chồng ông C là số tiền 200.000.000 đồng (*Bằng chữ: Hai trăm triệu đồng*) trong thời gian 12 tháng (*Mười hai tháng*) kể từ ngày 12/4/2009 và đóng lãi hàng tháng.

Tuy nhiên, đến hạn là ngày 12/4/2019 vợ chồng ông P không thực hiện đúng nghĩa vụ trả lại tài sản là số tiền vay nợ và thông tin cho vợ chồng ông C biết về việc xin được lùi thời gian trả tiền vay vì làm ăn thua lỗ và xin tạm thời đóng lãi 5.000.000đ/mỗi năm (*Bằng chữ: Năm triệu đồng mỗi năm*) vào dịp Tết Nguyên đán hàng năm. Vợ chồng ông P hứa sẽ sớm trả đầy đủ cả gốc và lãi theo đúng quy định cho vợ chồng ông C.

Việc đóng lãi tạm thời là 5.000.000đ/mỗi năm (*Bằng chữ: Năm triệu đồng mỗi năm*) cho vợ chồng ông C được vợ chồng ông P thực hiện vào dịp Tết Nguyên đán (Từ năm 2010 đến năm 2019).

Nhưng kể từ Tết Nguyên đán năm 2019 và đến năm 2021 khi ông C bị tai biến mạch máu não thì vợ chồng ông P đã không đóng lãi và cũng không có bất kỳ thông tin nào cho vợ chồng ông C.

Vợ chồng nguyên đơn cố gắng liên lạc để yêu cầu vợ chồng ông P thực hiện nghĩa vụ trả lại tài sản đã vay mượn theo đúng quy định của pháp luật, nhưng vợ chồng ông P đã cố ý trốn tránh, không thực hiện nghĩa vụ trả lại tài sản. Thậm chí, khi liên lạc ông P còn có thái độ không hợp tác và sau đó chặn tất cả liên lạc với vợ chồng ông C. Vợ chồng ông C nhiều lần tìm đến nhà tại địa chỉ số 767/7, HT, phường TH, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ để tìm gặp vợ chồng ông P nhưng không gặp được.

Vợ chồng ông C nhiều năm qua đã cố gắng hỗ trợ cho vợ chồng ông P vì hoàn C làm ăn thua lỗ. Nhưng hiện nay vợ chồng ông C đã lớn tuổi và mắc rất nhiều bệnh nặng, ông C đã bị nhồi máu não ba lần, mất hai động mạch chủ và vợ ông thì bị hẹp nặng ống tủy sống rất cần lấy lại tài sản là số tiền đã cho vợ chồng ông P vay mượn để làm chi phí khám chữa bệnh với hy vọng kéo dài được thêm thời gian sống.

Do vậy, nguyên đơn làm đơn này đề nghị Quý Tòa án xem xét buộc ông Trần Hữu P và bà Dương Thị Ngọc T trả lại tài sản cho ông Nguyễn Xuân C và bà Phạm Thị M số tiền 200.000.000đ (*Bằng chữ: Hai trăm triệu đồng*) vợ chồng ông P đã vay và lãi suất là 3% từ tháng 4 năm 2019 đến thời điểm hiện nay tạm tính là 198.000.000 đồng. Tổng số tiền bị đơn phải trả là 398.000.000 đồng.

Bị đơn ông Trần Hữu P trình bày: Ông thống nhất với phía nguyên đơn là ông có vay của ông C, bà M từ năm 2007 với số tiền là 200.000.000 đồng. Ông có đóng lời cho ông C, bà M đến năm 2012 là 600.000 đồng. Từ năm 2013 thì hoàn C tôi khó khăn nên ông C có nói cho ông lãi và trả gốc.

Sau đó ông có trả cho ông C, bà M với số tiền là 89.000.000 đồng.

Hiện nay do hoàn C khó khăn nên xin trả lại vốn cho ông C, bà M số tiền là 111.000.000 đồng.

Tại phiên tòa hôm nay: Đại diện nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả cho nguyên đơn 200.000.000 đồng tiền gốc và lãi suất tính theo lãi quá hạn là 1,125%/tháng tính từ ngày 01/01/2019 đến nay là ngày 13/6/2022.

Bị đơn vắng mặt không rõ lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ kết quả được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp:* Theo đơn khởi kiện và các chứng cứ có trong hồ sơ cho thấy tranh chấp giữa các đương sự là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” giữa cá nhân với cá nhân. Tranh chấp này được Bộ luật dân sự điều chỉnh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Ông Trần Hữu P và bà Dương Thị Ngọc T được tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 BLTTDS tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông P, bà T theo quy định chung của pháp luật.

[3] *Về nội dung:* Theo nguyên đơn vào năm 2009 nguyên đơn có cho bị đơn vay với số tiền là 200.000.000 đồng và bị đơn có thể chấp một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở và nhà ở. Ông Trần Hữu P và bà Dương Thị Ngọc T có làm biên nhận nợ. Đồng thời, quá trình thu thập chứng cứ tại biên bản hòa giải ngày 28/02/2022 ông P thừa nhận vợ chồng ông có vay của vợ chồng ông C 200.000.000 đồng và có thể chấp giấy tờ nhà đất như ông C trình bày là đúng. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự ông P, bà T có vay của ông C, bà M 200.000.000 đồng là thật.

Ông P cho rằng vào năm 2013 do hoàn C khó khăn nên ông có gặp vợ chồng ông C để xin lãi suất và trả vốn. Ông đã trả cho ông C, bà M 89.000.000 đồng. Hiện

nay ông còn nợ ông C, bà M 111.000.000 đồng. Đối với việc ông P cho là đã trả nợ cho nguyên đơn nhưng phía nguyên đơn không thừa nhận và ông P cũng không có tài liệu gì chứng minh về việc trả nợ này.

Mặc khác, tại bản tự khai đề ngày 28/02/2022 ông P cho rằng từ năm 2007 đến năm 2012 ông đã đóng lãi hàng tháng cho nguyên đơn là 600.000.000 đồng nhưng ông cũng không có tài liệu gì để chứng minh cho việc ông đã trả nợ cho nguyên đơn. Tuy nhiên, theo biên nhận nợ thì các bên thực hiện việc vay bắt đầu từ năm 2009 nhưng ông P cho rằng ông bắt đầu trả lãi cho vợ chồng ông C từ năm 2007 là không phù hợp, lời trình bày của ông P không đáng tin cậy.

Từ những nhận định trên cho thấy yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở để chấp nhận. Thời gian ông P, bà T không còn đóng lãi cho nguyên đơn là 01/01/2019 đến nay là 41 tháng 13 ngày. Phần lãi suất được tính cụ thể như sau:

$200.000.000 \text{ đồng} \times 1,125\%/\text{tháng} \times 41 \text{ tháng} 13 \text{ ngày} = 93.225.000 \text{ đồng}.$

Như vậy, cần phải buộc ông P, bà T trả cho ông C, bà M tổng số tiền là 293.225.000 đồng.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Hữu P và bà Dương Thị Ngọc T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều:

Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 157, 158, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Điều 463; 466 và 468 Bộ luật dân sự 2015;

Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân C và bà Phạm Thị M.

Buộc ông Trần Hữu P và bà Dương Thị Ngọc T trả cho ông Nguyễn Xuân C và bà Phạm Thị M 293.225.000 đồng (*Hai trăm chín mươi ba triệu hai trăm hai mươi lăm ngàn đồng*).

Trong trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo sự thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Khi ông Trần Hữu P và bà Dương Thị Ngọc T thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho ông Nguyễn Xuân C và bà Phạm Thị M thì ông C, bà M trả lại cho ông P, bà T 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 00002 cấp ngày 05/9/2002 do hộ ông Trần Hữu P đứng tên.

Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trần Hữu P và bà Dương Thị Ngọc T phải chịu 14.661.000 đồng (*Mười bốn triệu sáu trăm sáu mươi một ngàn đồng*).

Nguyên đơn ông Nguyễn Xuân C và bà Phạm Thị M được nhận lại 9.950.000 đồng (*Chín triệu chín trăm năm chục ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003166 ngày 19/01/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Ô Môn.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (đối với đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật) để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKS nhân dân Q. Ô Môn;
- Chi cục THA quận Ô Môn,
- Đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phương Văn Chính